

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cẩm Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơn và ông Nễn Đức Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nên đơn: Chị Lò Thị D, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lèo Văn N sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nên đơn chị Lò Thị D trình bày như sau:

Chị và anh Lèo Văn N kết hôn từ năm 2016 trên cơ sở tự Nện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Mai Sơn vào ngày 21/11/2016 và được hai bên gia tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 01 thì xảy ra mâu thuẫn. Nên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh N thường xúc phạm, đánh chửi chị dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tình trạng đó kéo dài

dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, chị đã quyết định sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lèo Thị Phương L, sinh ngày 16/8/2016 và cháu Lèo Trọng H, sinh ngày 01/9/2019. Khi ly hôn, chị có Nặng vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000VNĐ.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Lèo Văn N trình bày:

Về quá trình kết hôn đúng như chị D trình bày, anh chị kết hôn hoàn toàn tự Nặng, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định.

Theo anh, Nặng nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị D có nhiều hành động khác thể hiện có quan hệ với người khác như nhắn tin, không trung thực với anh dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn do không muốn ảnh hưởng đến các con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lèo Thị Phương L, sinh ngày 16/8/2016 và cháu Lèo Trọng H, sinh ngày 01/9/2019. Nếu chị D cương quyết ly hôn. Nặng vọng của anh là được nuôi dưỡng cháu Lèo Trọng H và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về Nặng nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị D và anh N nơi cư trú của anh chị. Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay Nặng đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị D và anh Lèo Văn N. Về con chung: Giao cháu Lèo Thị Phương L, sinh ngày 16/8/2016 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Giao cháu cháu Lèo Trọng H, sinh ngày 01/9/2019 cho anh Lèo Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh N và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của Nên đơn về việc xin ly hôn với anh Lèo Văn N có nơi cư trú tại Bản P, xã C, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị D và anh Lèo Văn N kết hôn với nhau từ năm 2016 trên cơ sở tự Nện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2016, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết, chị D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, anh N thường xuyên đánh đập xúc phạm chị dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không hạnh phúc. Anh N cho rằng mâu thuẫn là do chị D có những hành vi thể hiện có quan hệ với người khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng anh không đồng ý ly hôn. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình và địa phương thể hiện, anh N và chị D có mâu thuẫn từ năm 2018. Nên nhân là do anh N nóng tính, cục cằn nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy, anh N mặc dù không đồng ý ly hôn là do không muốn ảnh hưởng đến con chung và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng, cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh N đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân

không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Lò Thị D và anh Lèo Văn N.

[2.2] *Về con chung*: Chị D và anh N có 02 con chung là cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 16/8/2016 và cháu Lò Trọng H, sinh ngày 01/9/2019. Chị D có Nặng vọng nuôi dưỡng 01 con và đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung, anh N có Nặng vọng nuôi dưỡng cháu H. Qua xác minh tại Ban quản lý Bản và gia đình thể hiện thu nhập của chị D và anh Đoàn từ nông nghiệp là chủ yếu, anh chị đều đi làm thuê. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu L có Nặng vọng ở cùng chị D. Hội đồng xét xử xét thấy, anh N và chị D có điều kiện nuôi dưỡng ngang nhau, cháu L là con gái, có Nặng vọng ở cùng mẹ, cháu H đã trên 03 tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và điều kiện kinh tế của hai bên nên cần giao cháu L có chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ: Do mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh N đều không kê khai tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Chị Miền phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường, vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị D và anh Lèo Văn N.
2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 16/8/2016 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Giao cháu cháu Lò Trọng H, sinh ngày 01/9/2019 cho anh Lèo Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh N và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh N và chị D được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002021 ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Nện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Ngọc Thương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

